

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Hồng Thơm

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Trần Quang C, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 11-02-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 29-3-2013. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống cùng gia đình anh C ở phường Bàng La, quận Đồ Sơn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chính là do anh C ham chơi, nghiện sử dụng chất ma túy, không chịu làm ăn, thiếu sự quan tâm đến gia đình và vợ,

con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh C vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt 20 năm tù, đang chấp hành án tại Trại tạm giam Chí Hòa, thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đến nay, chị và anh C không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và Chung có 02 con chung là Trần Hào N, sinh ngày 07-5-2013 và Trần Hào Q, sinh ngày 10-01-2015. Nhiều năm nay, một mình chị nuôi con, anh C không có trách nhiệm với con cái. Hiện nay, chị có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, chị nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14-6-2021, bị đơn là anh C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường Bàn La, quận Đồ Sơn. Vợ chồng chung sống được 05 năm, từ năm 2012 đến 2017. Thời gian này, vợ, chồng chung sống bình thường với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị T thì anh không còn nhớ nữa. Từ khi anh bị bắt, chấp hành án, anh không còn nhớ rõ mâu thuẫn giữa anh và chị T là gì. Anh đã chấp hành án được 04 năm, thời gian chấp hành án còn khoảng 16 năm nữa. Hiện nay, anh không thể suy nghĩ được nên anh không trình bày đồng ý hay không đồng ý ly hôn với chị T. Anh chỉ đồng ý ly hôn chị T với điều kiện chị T không được giành quyền nuôi con.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị T có 02 con chung là Trần Hào N, sinh ngày 07-5-2013 và Trần Hào Q, sinh ngày 10-01-2015. Hiện nay, hai cháu đang ở với bà nội. Anh không đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng mà tiếp tục để gia đình anh nuôi dưỡng đến khi thành niên.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh có yêu cầu được nhận các văn bản tố tụng và bản án của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tại Trại giam Huy Khiêm.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Chị T và anh C kết hôn hợp pháp năm 2013. Trước đây, chị T và anh C chung sống không hạnh phúc; anh C ham chơi theo bạn bè, thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ và con. Ngày 17-6-2017, anh C bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an thành phố Hồ Chí Minh; sau đó, bị xử phạt 20 năm tù theo Bản án số 265/2018/HSST ngày 01-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, anh C đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm, địa chỉ: Huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Từ khi bị tạm giam đến nay, anh C và chị T không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau, chị T cũng chỉ 02 lần vào thăm anh C trong thời gian đầu tạm giam. Gần đây, chị T đã xây dựng một ngôi nhà tại tổ dân phố Q Trung, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn và đã đưa 02 con về đây sinh sống. Chị T làm lao động tự do. Bố, mẹ đẻ của chị T cũng hỗ trợ chị T chăm sóc cháu N và cháu Q. Cháu N có nguyện vọng được ở cùng chị T sau khi chị T và anh C ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh C;

- Căn cứ vào các điều 58, 81, 82, 83, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N và cháu Q cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh C cho đến khi hai bên có thỏa thuận khác;

- Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Trần Q C. Trước khi bị tạm giam, anh C cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 04-8-2021, anh C vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho anh C biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tại Đơn đề nghị đề ngày 23-8-2021, nguyên đơn là chị Lưu Thị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả chị T và anh C.

Về hôn nhân:

[3] Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2013 ngày 29-3-2013. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Trong thời gian chung sống, do anh C ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ, con nên giữa anh C và chị T đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Năm 2018,

anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay, anh C đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm, tỉnh Bình Thuận. Vì không còn tình cảm với anh C nên chị T cũng chỉ vào thăm anh C 02 lần trong thời gian tạm giam. Lời khai của anh C không thể hiện anh còn tình cảm với chị T, mong muốn chị T đợi anh về để chung sống. Xét thấy, chị T và anh C đã không còn thương yêu và quan tâm đến nhau. Anh C đã thiếu trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ vợ, con, vi phạm pháp luật hình sự; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Trần Hào N, sinh ngày 07-5-2013 và Trần Hào Q, sinh ngày 10-01-2015. Anh C hiện đang phải chấp hành án phạt tù, thời hạn chấp hành án còn lại rất dài nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Trên thực tế, cháu N và cháu Q được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi anh C bị tạm giam (từ năm 2017) cho đến nay. Cháu N có nguyện vọng được ở với chị T. Việc giao cháu N và cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị T và đảm bảo quyền lợi của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị T, giao cháu N và cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Trần Quang C.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Trần Hào N, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2013 và cháu Trần Hào Q, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu Q đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Hoặc cho đến khi chị T và anh C có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007184 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thơm Lê Thị Mai Hương

Vũ Trọng Đạt